



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ II

Năm 2009



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

SAVICO 68 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, QUẬN 1, TP.HCM

Mẫu số B 01 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009	01/01/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		321.404.496.478	367.076.207.609
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		86.061.593.993	49.130.501.895
1. Tiền	111	D1	78.061.593.993	44.130.501.895
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	D2	31.381.615.631	46.551.022.680
1. Đầu tư ngắn hạn	121		54.154.468.281	70.651.488.532
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(22.772.852.650)	(24.100.465.852)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.861.047.834	187.045.077.164
1. Phải thu khách hàng	131		33.213.520.885	46.315.835.208
2. Trả trước cho người bán	132	D3.1	70.366.300.853	111.873.041.485
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		290.497.209	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Các khoản phải thu khác	135	D3	22.172.325.479	30.025.474.832
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.181.596.592)	(1.169.274.361)
IV. Hàng tồn kho	140		61.674.519.162	71.484.902.978
1. Hàng tồn kho	141	D4	65.775.860.336	75.639.267.407
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.101.341.174)	(4.154.364.429)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.425.719.858	12.864.702.892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.509.675.040	1.384.913.953
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.483.767.624	1.176.481.874
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	D5	-	103.052.330
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.432.277.194	10.200.254.735
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.133.128.873.628	996.176.060.514
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.762.359.914	17.081.269.503
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	D6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	D7	18.762.359.914	17.081.269.503
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	
II. Tài sản cố định	220		367.456.964.032	337.423.863.671
1. Tài sản cố định hữu hình	221	D8	21.500.676.744	20.541.321.711
- Nguyên giá	222		47.655.908.162	45.230.491.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.155.231.418)	(24.689.169.714)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	D9	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	D10	48.672.315.482	49.448.819.760
- Nguyên giá	228		51.816.524.360	51.800.519.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.144.208.878)	(2.351.699.900)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	D11	297.283.971.806	267.433.722.200
III. Bất động sản đầu tư	240		94.463.256.555	38.521.026.609
- Nguyên giá	241	D12	108.132.360.293	50.825.805.393
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(13.669.103.738)	(12.304.778.784)

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		610.347.429.082	562.862.187.939
1. Đầu tư vào công ty con	251	<i>D13</i>	-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<i>D14</i>	234.374.655.411	223.894.353.641
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<i>D15</i>	437.486.034.498	439.563.908.715
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(61.513.260.827)	(100.596.074.417)
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		42.098.864.045	40.287.712.792
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<i>D16</i>	21.052.347.536	19.617.798.427
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		10.646.529.038	13.218.838.894
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.399.987.471	7.451.075.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.454.533.370.106	1.363.252.268.123
<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2009</i>	<i>01/01/2009</i>
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		848.034.327.339	797.183.245.668
I. Nợ ngắn hạn	310		316.658.293.307	317.889.953.349
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	<i>D17</i>	121.036.715.835	128.168.304.260
2. Phải trả người bán	312		17.286.906.703	41.829.700.166
3. Người mua trả tiền trước	313		39.628.293.121	11.824.971.114
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<i>D18</i>	28.428.337.072	21.239.068.472
5. Phải trả người lao động	315		32.987.614.946	33.384.760.193
6. Chi phí phải trả	316	<i>D19</i>	8.858.996.172	10.629.582.306
7. Phải trả nội bộ	317		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	<i>D20</i>	68.431.429.458	70.813.566.838
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	
II. Nợ dài hạn	330		531.376.034.032	479.293.292.319
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	<i>D21</i>	201.349.915.102	139.152.777.192
4. Vay và nợ dài hạn	334	<i>D22</i>	327.729.432.791	338.351.335.879
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	<i>III.11</i>	2.296.686.139	1.789.179.248
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		518.690.303.399	486.602.595.830
I. Vốn chủ sở hữu	410	<i>D23</i>	511.967.233.135	479.212.219.009
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		203.610.400.000	203.610.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		180.876.300.000	180.876.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.544.746.277)	(3.544.746.277)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.071.043.999	650.345.638
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.297.891.956	16.193.469.287
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.685.128.527	6.602.007.981
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		102.971.214.930	74.824.442.380
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.723.070.264	7.390.376.821
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		6.723.070.264	7.390.376.821
2. Nguồn kinh phí	432	<i>D24</i>	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	
C Lợi ích cổ đông thiểu số	500		87.808.739.368	79.466.426.625
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		1.454.533.370.106	1.363.252.268.123

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	30/06/2009	01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài		D26	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
USD			3.906	3.903
EUR			39	39
JPY			-	-
AUD			-	-
SGD			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 07 năm 2009

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Hoàng Thị Thảo



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

SAVICO 68 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, QUẬN 1, TP.HCM

Mẫu số B 02 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2009	Quý II/2008	Lũy kế	
					06 tháng 2009	06 tháng 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	D26	555.921.968.069	662.948.907.199	1.137.619.823.408	1.191.435.125.231
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(1.195.554.155)	(442.435.543)	519.869.242	1.095.209.846
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		557.117.522.224	663.391.342.742	1.137.099.954.166	1.190.339.915.385
4. Giá vốn hàng bán	11	D27	487.443.492.439	615.957.559.233	1.013.860.152.247	1.107.260.009.136
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.674.029.785	47.433.783.509	123.239.801.919	83.079.906.249
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	D28	7.306.455.712	(26.870.889.189)	8.138.779.167	17.702.426.467
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	D29	(3.612.781.302)	(20.608.987.793)	7.940.897.576	32.131.703.764
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.566.993.284	12.815.218.211	14.890.419.043	24.601.766.642
8. Chi phí bán hàng	24		14.501.714.880	10.538.270.813	31.757.120.689	22.127.852.691
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.314.583.488	12.925.699.369	30.547.174.057	25.825.253.312
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.776.968.431	17.707.911.931	61.133.388.764	20.697.522.949
11. Thu nhập khác	31	D30	2.477.442.227	3.064.756.424	7.088.965.709	3.926.858.082
12. Chi phí khác	32	D31	484.126.891	1.076.992.941	1.329.431.182	1.076.027.963
13. Lợi nhuận khác	40		1.993.315.336	1.987.763.483	5.759.534.527	2.850.830.119
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	50		5.989.936.648	2.693.832.392	5.988.766.274	8.350.095.609
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	D32	56.760.220.415	22.389.507.806	72.881.689.565	31.898.448.677
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		8.109.523.830	5.393.776.596	14.567.023.593	8.538.988.850
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		2.572.309.856	(2.452.649.997)	2.572.309.856	(4.257.646.435)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		46.078.386.729	19.448.381.207	55.742.356.116	27.617.106.262
19. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	71		5.225.275.499	8.236.262.047	8.877.473.924	12.851.815.173
20. Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	72		40.853.111.230	11.212.119.160	46.864.882.192	14.765.291.089
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	D33	2.029	678	2.327	946

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 07 năm 2009

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

SAVICO 68 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, QUẬN 1, TP.HCM

Mẫu số B 03 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BAU CAO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

06 tháng năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng 2009	06 tháng 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		72.881.689.565	31.898.448.677
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		4.944.555.023	4.712.744.054
- Các khoản dự phòng	03		(40.451.127.816)	2.400.748.556
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		51.934.956	12.393.685
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		17.763.095.219	(21.657.236.212)
- Chi phí lãi vay	06		15.743.185.710	24.601.766.642
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		70.933.332.657	41.968.865.402
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		92.696.789.220	(7.635.019.895)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.655.594.754	(23.975.114.367)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.205.468.248)	(8.143.234.602)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(25.716.328.468)	(5.232.059.236)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(26.281.516.560)	(25.246.075.304)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.855.069.324)	(7.192.151.554)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.868.645.685	1.392.529.579
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.105.612.684)	(370.592.577)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		109.990.367.032	(34.432.852.554)
			-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.936.288.071)	(151.570.463.193)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		241.636.364	2.716.005.297
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(23.530.940.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(56.117.166.783)	(65.983.510.151)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		44.132.952.896	49.078.171.059
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.342.980.373	12.897.539.721
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(39.335.885.221)	(176.393.197.267)
			-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	133.977.980.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(10.600.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		253.826.038.049	635.092.217.960
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(271.579.529.562)	(596.910.132.570)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.969.898.200)	(16.477.738.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.723.389.713)	155.671.726.481
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		36.931.092.098	(55.154.323.340)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		49.130.501.895	94.470.745.087
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			4.735.226
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		86.061.593.993	39.321.156.973

Ngày 10 tháng 07 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ II NĂM 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Vốn góp cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại dịch vụ - Bất động sản –Đầu tư tài chính
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Thương mại dịch vụ.
 - Mua bán nông, lâm, hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, tiểu thủ công nghiệp, hàng may mặc, giày dép.
 - Mua bán xe ô tô, gắn máy các loại, linh kiện phụ tùng.
 - Mua bán hàng điện lạnh, kim khí điện máy.
 - Bất động sản
 - Đầu tư tài chính.

4. Số lượng các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:

1. Công ty TNHH Đông Đô Thành:
 - Địa chỉ: 655 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
2. Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô.
 - Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 52,05%
3. Công Ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại Tự Động SAVICO.
 - Địa chỉ: 83D Bùi Thị Xuân, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 99%
4. Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
 - Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
5. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 82,08%
6. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
7. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
 - Địa chỉ: A16A, 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 70%
8. Công Ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
 - Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Số lượng các Công ty liên kết có vốn đầu tư của SAVICO:

1. Công Ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
 - Địa chỉ: 325 Hồ Văn Huê, P.2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
2. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 35,16%
3. Công Ty Cổ Phần DANA.
 - Địa chỉ: 56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40,27%
4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Bến Thành SAVICO.
 - Địa chỉ: 17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,33%
5. Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 115 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49%
6. Công ty Cổ Phần Siêu Xe
 - Địa chỉ: Số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,5%
7. Công ty TNHH SAVICO – Vinaland
 - Địa chỉ: 115-117 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49,5%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chính sách kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC được ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	6 – 42
Máy móc thiết bị	4 – 8
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 7

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 6 đến 22 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không vượt quá 1/2 quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất. Ban giám đốc cho rằng các bộ phận kinh doanh, ngoài trừ bộ phận kinh doanh thương mại, là không đáng kể và không phải là những bộ phận cần báo cáo riêng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	3.922.780.434	3.806.935.102
Tiền gửi ngân hàng	74.138.813.559	40.323.566.793
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	78.061.593.993	44.130.501.895

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D2. Đầu tư ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	53.154.468.281	69.651.488.532
- Đầu tư ngắn hạn khác	1.000.000.000	1.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(22.772.852.650)	(24.100.465.852)
Cộng	31.381.615.631	46.551.022.680

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu):

STT	Mã CK	Gía trị	Đầu tư mới	Thanh khoản	Danh mục tại 30/06/2009
1	CII (trái phiếu)	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
2	TCM	61.720	-	-	61.720
3	Thuduchouse	12.800.732.088	-	-	12.800.732.088
4	SPT	4.903.850.000	-	-	4.903.850.000
5	BH Toàn Cầu	6.300.000.000	-	-	6.300.000.000
6	Constrexim 2	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
7	Merufa	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
8	Cty CP Dược Phẩm OPC	15.709.000.000	-	15.709.000.000	-
9	Cty CP Toàn Thịnh Phát	2.130.600.000	-	2.130.600.000	-
10	Ngân hàng CP Sài Gòn Thương Tín	-	7.233.000.000	7.233.000.000	-
11	Cty CP Cấp và VL Viễn Thông	-	4.820.800.000	4.820.800.000	-
12	Cty CP Bán Kẹo Biên Hòa	-	1.583.124.000	1.583.124.000	-
13	Cty CP Cao Su Tây Ninh	-	1.065.000.000	1.065.000.000	-
14	Cty CP Xi măng Bim Sơn (BCC)	-	10.716.640.000	9.407.334.300	1.309.305.700
15	Cty CP XNK Bình Thạnh (GIL)	-	3.582.521.000	944.749.000	2.637.772.000
16	Cty CP Cao Su Hòa Bình (HRC)	-	2.544.297.000	547.140.750	1.997.16.250
17	Cty CP XD và thiết kế số 1 (DECOFI)	2.538.534.000	-	-	2.538.534.000
18	Cty CP phát triển KCN Tín Nghĩa	3.657.133.980	-	-	3.657.133.980
19	DCC	135.416.667		135.416.667	
20	REE	1.023.521.739		1.023.521.739	
21	SJS	1.651.125.000		1.651.125.000	
22	SSI	779.500.000		779.500.000	
23	STB	832.216.738		832.216.738	
24	HPC (812cp thường)	189.796.600	9.922.543	189.796.600	9.922.543
Tổng cộng		70.651.488.532	31.555.304.543	48.052.324.794	54.154.468.281

D3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác (*)	22.172.325.479	30.025.474.832
Cộng	22.172.325.479	30.025.474.832

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*): Các khoản phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản:

- ✓ *Giao vốn cho bộ phận kinh doanh xe cũ 4.710.059.450đ và phải thu Tổng Công Ty Bến Thành thực hiện DA 72 Trần Đình Xu tại Saigonford: 6.948.788.589đ.*
- ✓ *Khoản phải thu TESC: 3.314.000.000 đ*
- ✓ *Chi hộ cho Công ty TNHH Savico – VinaLand 3.063.068.448đ.*

D3.1. Trả trước cho người bán.

Trả trước người bán 70.366.300.853 đồng, trong đó:

- ✓ *Mua đất tại phường Cái Răng, Cần Thơ (nam Cần Thơ): 37.953.702.000 đồng – Savico đang lập thủ tục chuyển quyền sở hữu, song do Tp Cần Thơ đang tạm ngưng duyệt thủ tục – Công ty CP Toyota Cần Thơ đang hoạt động tại đây.*
- ✓ *Khoản ứng trước cho Công ty CP TM XNK Thủ Đức theo hợp đồng nhận chuyển nhượng đất tại số 570 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp HCM: 5.500.000.000 đồng.*
- ✓ *Khoản ứng trước cho Công ty CP ĐT TM Hồng Phúc cho việc thực hiện Dự án 104 Phố Quang: 4.000.000.000 đồng.*
- ✓ *7.166.137.748 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty Toyota Giải Phóng*
- ✓ *4.757.033.671 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty Sài Gòn Ngôi Sao*
- ✓ *5.128.400.000 đồng: ứng trước các HĐ xây dựng cho Dự án SAVICO-Plaza tại Hà Nội.*
- ✓ *2.247.611.100 đồng: ứng trước các HĐ xây dựng cho Dự án Đại lý Toyota Cần Thơ.*

D4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	1.060.879.874	1.120.401.455
- Công cụ, dụng cụ	29.083.228	9.390.832
- Chi phí SX, KD dở dang	878.937.392	1.706.456.136
- Thành phẩm	102.092.074	54.225.892
- Hàng hóa	63.704.867.768	72.748.793.092
- Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	65.775.860.336	75.639.267.407

D5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa
- Các khoản khác phải thu Nhà nước

Cộng

-	103.052.330
-	103.052.330

D6. Phải thu dài hạn nội bộ

Không phát sinh.

D7. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác (*)	18.762.359.914	17.081.269.503
Cộng	17.081.269.503	17.081.269.503

(*): Khoản phải thu dài hạn 18.762.359.914 đồng chủ yếu gồm các khoản sau:

- + Phải thu hộ NH.HSBC khoản hỗ trợ tín dụng: 12.855.706.775 đồng.
- + Khoản chi phí ban đầu dự án 6 THĐ: 1.498.353.256 đồng.
- + Khoản chi phí ban đầu dự án Thảo Điền: 4.345.621.247 đồng.

D8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.983.426.340	22.236.863.230	6.636.601.425	373.600.430	45.230.491.425
Mua trong kỳ	-	1.789.001.344	2.523.461.868	21.722.000	4.334.185.212
Đầu tư XDCB hoàn thành		-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	(105.789.054)	-	-	-	(105.789.054)
Thanh lý, nhượng bán	-	(628.779.998)	(1.174.199.423)	-	(1.802.979.421)
Số cuối kỳ	15.877.637.286	23.397.084.576	7.985.863.870	395.322.430	47.655.908.162
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.499.050.000	10.407.887.864	3.443.146.944	339.084.906	24.689.169.714
Khấu hao trong kỳ	573.314.090	1.048.899.540	582.855.324	35.722.302	2.240.791.256
Giảm trong kỳ	(105.789.054)	(26.664.822)	(642.275.676)	-	(774.729.552)
Số cuối kỳ	10.966.575.036	11.430.122.582	3.383.726.592	374.807.208	26.155.231.418
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	5.484.376.340	11.828.975.366	3.193.454.481	34.515.524	20.541.321.711
Số cuối kỳ	4.911.062.250	11.966.961.994	4.602.137.278	20.515.222	21.500.676.744

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.136.029.176 đồng

D9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**D10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	51.171.902.910	628.616.750	51.800.519.660

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Tăng trong kỳ		16.004.700	
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	51.171.902.910	644.621.450	51.800.519.660
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.295.048.022	56.651.878	2.351.699.900
Khấu hao trong kỳ	705.561.802	86.947.176	792.508.978
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	3.000.609.824	143.599.054	3.144.208.878
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	48.876.854.888	571.964.872	49.448.819.760
Số cuối kỳ	48.171.293.086	501.022.396	48.672.315.482

D11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Hoàn thành chuyển BĐSĐT trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự án Khu nhà ở Tam Bình - Hiệp Bình Phước	63.706.582.427	322.048.433		64.028.630.860
Dự án khu du lịch Bãi Trẹm - Đà Nẵng	18.034.088.918	370.706.206		18.404.795.124
Công trình Cao ốc văn phòng 277 - 279 Lý Tự Trọng.	3.015.005.024	571.153.200		3.586.158.224
Công trình văn phòng 35 Đồng Khởi	4.366.088.104	664.900.965		5.030.989.069
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	234.153.583	-		234.153.583
Công trình 104 Phổ Quang, Q. Tân Bình	4.747.867.129	661.375.027		5.409.242.156
Dự án Savico Plaza Hà Nội.	15.047.620.969	7.517.638.259		22.565.259.228
Khu đất tại Hưng Phú, Cần Thơ	764.744.685	-		764.744.685
Dự án văn phòng 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1	4.669.038.100	2.053.751.411		6.722.789.511
Dự án 9-15 Lê Minh Xuân (Titco-Savico-KHahomex)	654.441.000	153.953.700		808.394.700
Dự án khu căn hộ tại An Sương-Trung Mỹ Tây.	80.909.091	-		80.909.091
Dự án TTTM tại Quốc Lộ 13	143.095.481.862	4.837.964.101		147.933.445.963
Dự án Đại Lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ.	6.428.800.854	14.625.789.532		21.054.590.386
Các hạng mục phụ VPCT (Sài Gòn Ngôi Sao)		659.869.226		659.869.226
Cộng	264.844.821.746	32.439.150.060		297.283.971.806

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

+ Dự án số 277-279 Lý Tự Trọng : Đang triển khai thiết kế và thực hiện thủ tục xin giấy phép

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	xây dựng theo thiết kế mới.
+ Dự án T.Bình – Hiệp Bình Phước	: Đang xin điều chỉnh hệ số sử dụng đất, mật độ dân số, trình duyệt quy hoạch 1/500, tiến hành phát triển dự án.
+ Dự án Bãi Trẹm – Đà Nẵng	: Đã thi công hoàn tất tường rào và đang triển khai, chọn đơn vị thiết kế và thiết kế dự án và đang đàm phán với tập đoàn quản lý.
+ Dự án 35 Đồng Khởi	: Đã ký HĐ cho thuê toàn bộ.
+ Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc	: Đã có quyết định thu hồi đất dự án của Nhà nước và Công ty đang tiến hành đền bù, giải tỏa.
+ Dự án 104 Phổ Quang	: Công ty đang xúc tiến phát triển dự án.
+ Đất Hưng Phú : Cần Thơ	: Công ty đang khẩn trương làm việc với Tp Cần Thơ để thông qua quy hoạch.
+ Dự án 66:68 NKKN	: Chi phí dự án.
+ Dự án Quốc lộ 13	: Đang thực hiện quy hoạch 1/500 và xin duyệt hệ số sử dụng đất, chủ trương đầu tư từ sở tài nguyên môi trường. Đã hoàn thành việc thiết kế ý tưởng.
+ Dự án Đại lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ	: Hiện dự án đang trong giai đoạn xây dựng.
+ Dự án 9-15 Lê Minh Xuân	: Đã có giấy phép xây dựng, nhưng đang tạm dừng thi công để tìm đối tác khai thác dự án.
+ Dự án An Sương - Trung Mỹ Tây	: Chi phí dự án.
+ Các hạng mục phụ showroom ô tô tại QL13	: Chi phí hoàn thiện công trình showroom ô tô của Cty Sài Gòn Ngôi Sao và đã đưa vào sử dụng từng phần.

D12. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu Quý I/2009	Mua trong Quý I/2009	Giảm	Số dư cuối Quý I/2009
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất	-			
- Nhà	50.825.805.393	58.167.835.847	861.280.946	108.132.360.293
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất	-	-		
- Nhà	12.304.778.784	1.927.425.681	563.100.727	13.669.103.738
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	38.521.026.609			94.463.256.555

D13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Đông Đô Thành	4.400.000.000	4.400.000.000
Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô	6.952.245.883	6.952.245.883

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công Ty TNHH TM&DV Tự Động Savico	9.900.000.000	9.900.000.000
Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giai Phóng	9.248.504.000	9.248.504.000
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	2.800.000.000	2.800.000.000
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	7.650.000.000	7.650.000.000
Công ty CP SAVICO Hà Nội	35.000.000.000	35.000.000.000
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	25.309.668.000	25.309.668.000
Cộng	101.260.417.883	101.260.417.883

- Giá trị khoản đầu tư vào công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

D14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH COMFORTDELGRO SAVICO TAXI	23.325.852.317	22.206.922.691
Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn	32.273.578.665	27.648.271.784
Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành SAVICO	1.950.779.637	1.635.734.827
Công ty Cổ Phần DANA - DANAFORD	5.634.205.219	4.669.355.554
Công ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn – SSC	1.830.993.319	1.830.137.405
Công Ty Cổ Phần Siêu Xe	1.270.101.221	1.860.931.380
Công Ty TNHH SAVICO-Vinaland	168.089.145.034	164.043.000.000
Cộng	234.374.655.411	223.894.353.641

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D15. Đầu tư dài hạn khác (theo chiến lược dài hạn)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (là CD chiến lược, CD sang lập).	292.778.091.590	319.427.750.590
- Đầu tư trái phiếu	150.000.000	150.000.000
- Góp vốn dài hạn vào các dự án bất động sản	144.557.942.908	119.986.158.125
Cộng	437.486.034.498	439.563.908.715

- Thuyết minh các khoản đầu tư tài chính dài hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu)

STT	Mã CK	Giá trị
Savico tham gia với tư cách cổ đông sáng lập – chiến lược		
1	OCB	104.486.670.590
2	CK ORS	31.500.000.000
3	SPT	11.769.230.000

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	4	Tradincorp	13.500.000.000
	5	VietThai	8.042.676.000
	6	Cty B.T Long Hải	6.450.000.000
	7	Cty B.T Non nước	6.000.000.000
	8	BenThanh (TSC)	3.289.960.000
Savico tham gia đầu tư theo lĩnh vực – ngành nghề			
	1	Searefico	11.467.000.000
	2	Việt Á	80.977.536.000
	3	NH EXIM	37.205.000
	4	Sabeco	14.000.000.000
	5	Công ty Cổ Phần Vật T Ngân hàng (BMC)	242.550.000
	6	Cung ty CP Kim Khở Thăng Long	221.464.000
	7	Công ty CP Cơ khí Vinh	488.800.000
	8	Công ty Vận Tải Hành Khách số 14	305.000.000
	9	Công trái GD	150.000.000
	Tổng cộng		292.928.091.590

- Chi tiết góp vốn vào các dự án Bất Động Sản:

Tên Dự án	30/06/2009	Nội dung
Dự án Khu Du lịch sinh thái Cần Giờ	50.000.000	Góp vốn với Tổng Cty Bến Thành thực hiện dự án khu du lịch sinh thái tại huyện Cần Giờ
Dự án khu nhà ở phường Bình An, Q2	39.855.606.189	Góp vốn với Cty CP PT Nhà Thử Đức thực hiện dự án Khu nhà ở tại phường Bình An, Quận 2 có diện tích 6,5 ha.
Dự án Long Hòa - Cần Giờ	56.528.176.598	Tham gia góp vốn với Cty CP FIDECO với tỉ lệ 50%, thực hiện dự án khu nhà ở tại xã Long Hòa – Cần Giờ. Đã nộp tiền sử dụng đất. Đang xúc tiến thiết kế tổng thể mặt bằng lập thủ tục thành lập Công ty.
Dự án 56 Bến Vân Đồn	20.995.767.396	Tham gia góp vốn với Cty CP XNK Khánh Hội, tỉ lệ vốn góp 49%. Hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu thẩm tra thiết kế, tự toán, tư vấn giám sát và đang trình duyệt bổ sung công năng căn hộ cho thuê.
Dự án 91 Pasteur	22.512.511.133	Góp vốn với Công ty Quản lý Kinh doanh Nhà Thành Phố, tỉ lệ vốn góp là 51%, thực hiện dự án cao ốc văn phòng tại 91 Pasteur, Q1, TpHCM. Đã thi công hoàn tất trên 50% và đang xúc tiến tiếp thị dự án.
Công ty con đầu tư vào siêu thị ô tô trên đường Nguyễn Văn Cừ.	4.615.881.592	Góp vốn kinh doanh với Tổng Công Ty Bến Thành
Cộng	144.557.942.908	

D16. Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty LD TOYOTA Giải Phóng đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) với Công ty Thiên Hà để mở đại lý 3S tại Quận Hoàng Mai, Hà Nội với số tiền là 19.548.259.617 đồng.

D17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Phương Nam	15.000.000.000	-
Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn	1.800.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi	1.100.000.000	600.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	61.083.478.000	44.991.000.000
Ngân hàng HSBC	-	22.849.455.027
Công Ty CP Chứng Khoán Phương Đông	-	19.500.000.033
Ngân hàng TMCP Quân Đội	4.720.206.835	4.000.000.000
Ngân hàng Nông Nghiệp	1.330.000.000	
Cộng vay ngắn hạn	85.033.684.835	93.740.455.060
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Công Thương	8.424.000.000	7.776.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương	1.960.000.000	1.966.663.200
SACOMBANK	11.119.031.000	10.185.186.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	2.000.000.000	2.000.000.000
HSBC	12.500.000.000	12.500.000.000
Cộng vay dài hạn đến hạn	36.003.031.000	34.427.849.200
Vay và nợ ngắn hạn	121.036.715.835	128.168.304.260

D18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	3.466.161.584	2.880.851.299
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.616.627.360	13.823.822.620
- Thuế thu nhập cá nhân	2.324.582.698	4.534.394.553
- Thuế khác	20.965.430	-
Cộng	28.428.337.072	21.239.068.472

D19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước hoạt động kinh doanh	2.807.209.056	1.820.206.673
- Trích trước các khoản lãi repo cổ phiếu	-	4.172.800.345
- Trích trước lãi sử dụng vốn	710.636.555	-
- Trích trước khác (*)	5.157.046.561	4.636.575.288
Cộng	8.858.996.172	10.629.582.306

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Trong đó có 5.157.046.561 đồng là các khoản trích trước chi phí hỗ trợ khách hàng, các khoản bảo hiểm, bảo hành, trợ cấp thất nghiệp... của Công ty TOYOTA Giải Phóng.

D20. Phải trả phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	414.987.494	412.100.694
- Bảo hiểm xã hội	361.832.352	178.407.822
- Bảo hiểm y tế	55.920.108	13.198.395
- Phải trả về cổ phần hoá	-	19.461.651.862
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	-
- Doanh thu chưa thực hiện	7.397.147.962	7.302.918.026
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	60.181.541.542	43.445.290.039
Cộng	68.431.429.458	70.813.566.838

(*): Các khoản phải trả khác 60.181.541.542 đồng, trong đó

+ Các khoản phải trả của SAVICO 57.871.712.505 đồng, chủ yếu bao gồm các khoản:

- Khoản phải trả cho dự án 104 Phố Quang: 14.578.200.000 đồng.
- Khoản phải trả cho DA 56 Bến Vân Đồn: 7.814.168.326 đồng.
- Phải trả Tổng Công Ty Bến Thành: 19.000.000.000 đồng.
- Phải trả Cty CP Thương Mại Hóc Môn: 10.000.000.000 đồng.

+ Các khoản thu hộ, cho hộ của Ford Việt Nam để thực hiện chương trình hỗ trợ khách hàng 7.514.038.626 đồng và nhận góp vốn DA siêu thị ô tô: 3.250.000.000 đồng.

+ Các khoản phải trả 1.880.812.703 đồng của Cty Đông Đô Thành chủ yếu là khoản nhận vốn hợp tác đầu tư DA tại Đường Phan Văn Trị, Q.Gò Vấp.

D21. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.076.848.902	13.009.997.192
- Doanh thu chưa thực hiện	98.764.380.000	98.764.380.000
- Khoản nhận góp vốn đầu tư các DA	91.508.686.200	27.598.400.000
Cộng	201.349.915.102	139.372.777.192

D22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Công Thương	21.826.440.879	44.014.440.879
Ngân hàng HSBC	-	12.500.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương	19.422.989.295	3.430.000.000
Ngân hàng Phương Đông	188.000.000.000	190.000.000.000
Ngân hàng SACOMBANK	69.251.339.000	74.806.895.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi	29.228.663.617	13.600.000.000
Cộng	327.729.432.791	338.351.335.879

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D23. Vốn chủ sở hữu****D23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
Số đầu 01/01/2008	148.734.100.000	120.000.000.000	(2.801.612.500)	0	12.098.543.923	3.371.905.229	73.616.520.522	355.019.457.174
Phát hành cổ phiếu trong năm 2007	54.876.300.000	-	-	-	-	-	-	54.876.300.000
Lợi nhuận sau thuế năm 2008	-	-	-	-	-	-	39.953.164.811	39.953.164.811
Phân bổ các quỹ	-	60.876.300.000	(743.133.777)	-	4.094.925.364	3.230.102.752	-	67.458.194.339
Cổ tức 2008	-	-	-	-	-	-	(21.810.925.500)	(21.810.925.500)
Phân bổ kinh phí hoạt động HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	-	-	650.345.638	-	-	-	650.345.638
Giảm trừ khác	-	-	-	-	-	-	(16.934.317.453)	(16.934.317.453)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2008	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	650.345.638	16.193.469.287	6.602.007.981	74.824.442.380	479.212.219.009
Số dư 01/01/2009	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	650.345.638	16.193.469.287	6.602.007.981	74.824.442.380	479.212.219.009
Phát hành cổ phiếu trong năm 2009	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế năm	-	-	-	-	-	-	46.864.882.192	46.864.882.192
Tăng trong kỳ	-	-	-	4.420.698.361	104.422.669	83.120.546	-	4.608.241.576
Cổ tức 2009.	-	-	-	-	-	-	(16.111.983.200)	(16.111.983.200)
Giảm trong 2009.	-	-	-	-	-	-	(2.606.126.442)	(2.606.126.442)
Số dư 30/06/2009	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	5.071.043.999	16.297.891.956	6.685.128.527	102.971.214.930	511.967.233.135

D23.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	67.418.930.000	67.418.930.000
Vốn góp của các cổ đông	136.191.470.000	136.191.470.000
Cộng	203.610.400.000	203.610.400.000

D23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu kỳ	203.610.400.000	148.734.100.000
Vốn góp tăng trong kỳ		54.876.300.000
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	203.610.400.000	203.610.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.111.983.200	

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D23.4. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.361.040	20.361.040
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.361.040	20.361.040
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.361.040	20.361.040
Số lượng cổ phiếu được mua lại	221.061	221.061
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	221.061	221.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.139.979	20.139.979
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.139.979	20.139.979

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

D23.5. Các quỹ của doanh nghiệp

- + Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- + Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

D24. Nguồn kinh phí và quỹ khác**D25. Tài sản thuê ngoài****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	<u>Quý 2/ 2009</u>	<u>Quý 2/ 2008</u>
D26. Doanh thu		
<i>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
- Doanh thu bán hàng	525.764.504.818	644.999.565.553
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.157.463.251	17.949.341.646
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu:</i>		
- <i>Thuế GTGT theo PP trực tiếp</i>	30.702.212	
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.455.503.038)	35.060.000
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	229.246.671	(477.495.543)
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>557.117.522.224</u>	<u>663.391.341.742</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần về bán hàng hóa</i>	527.220.007.856	645.442.001.096
- <i>Doanh thu thuần về bán thành phẩm</i>	-	
- <i>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</i>	29.897.514.368	17.949.341.646

D27. Giá vốn hàng bán

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá vốn của hàng hóa đã bán	463.968.619.278	604.264.280.939
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.562.910.369	11.678.656.142
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(88.037.208)	14.622.152
Cộng	487.443.492.439	615.957.559.233

D28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2/ 2009	Quý 2/ 2008
Lãi tiền gửi ngân hàng	482.438.224	1.329.298.307
Lãi, cổ tức được chia	4.125.691.813	10.179.231.639
Lãi bán chứng khoán	2.697.025.400	2.144.116.646
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.300.275	448.276
Doanh thu bán chứng khoán(*)		(40.524.006.084)
Thu hoạt động tài chính khác		22.027
Cộng	7.306.455.712	(26.870.889.189)

(*): Trong quý 2/2008, Công ty mẹ hạch toán điều chỉnh giảm số phát sinh doanh thu và giá vốn bán chứng khoán một khoản là 40.524.006.084 đồng được hạch toán trong quý 1/2008.

D29. Chi phí tài chính

	Quý 2/ 2009	Quý 2/ 2008
Chi phí lãi vay	3.566.993.284	12.815.218.211
Chi phí giao dịch chứng khoán	197.598.338	3.655.779.113
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28.280.113	(14.921.041)
Giá vốn chứng khoán (*)	0	(40.524.006.084)
Lỗ bán chứng khoán	29.723.768.450	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(37.129.421.487)	(27.876.833)
Cộng	(3.612.781.302)	(20.608.987.793)

(*): Như thuyết minh tại mục D28.

D30. Thu nhập khác

	Quý 2/ 2009	Quý 2/ 2008
Thu bán thanh lý TSCĐ	124.342.320	2.871.023.288
Tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	2.334.589.907	193.733.136
Thu nhập khác	18.510.000	-
Cộng	2.477.442.227	3.064.756.424

D31. Chi phí khác

	Quý 2/ 2009	Quý 2/ 2008
Chi phí thanh lý TSCĐ	353.569.556	1.076.992.941

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí khác	130.557.335	-
Cộng	484.126.891	1.076.992.941

D32. Lợi nhuận kế toán trước thuế

Trong lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ Phần SAVICO và các công ty con đạt được trong quý 2 năm 2009 có 37.129.421.487 đồng là khoản hoàn nhập chi phí dự phòng dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn đã lập trong năm 2008.

D33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 2/ 2009	Quý 2/ 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.071.607.827	19.448.381.207
Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	4.653.144.668	8.236.262.047
Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	33.418.463.159	11.212.119.160
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.139.979	16.544.432
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.659	678

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Quý 2/ 2009	Quý 2/ 2008
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.139.979	14.676.170
Phát hành thêm 31/05/2008		1.869.412
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 30/05/2008		(683)
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 12/06/2008		(467)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.139.979	16.544.432

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót**

Không phát sinh.

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	30/06/2009	01/01/2009
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	22,05	26,93
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	77,95	73,07
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62,13	62,10

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	37,87	37,90
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,09	1,15
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,88	0,93
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
		Quý 2/2009	Quý 2/ 2008
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	11,08	3,38
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	9,16	2,90
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4,61	1,68
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,81	1,44
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	10,14	3,53

Tp.HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2009

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**_____
Nguyễn Thanh Phong_____
Hoàng Thị Thảo